

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 /5/2022

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Kim Phụng

2. Ông Trần Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa có bà Lê Thị Xuân Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, về việc: “*Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 136/10, ấp H, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mười M**, sinh năm 1974 (vắng mặt lần 2)

Địa chỉ: Số 136/10, ấp H, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Nguyễn Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2002 anh và chị Nguyễn Thị Mười M qua mai mối tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Z, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngày 19/8/2002. Sau khi kết hôn chị M về chung sống bên gia đình anh T, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng không hòa hợp, sống chung M nhà nhưng không ai nói đến ai, vì vậy chị M đã dọn ra ngoài sống, anh và chị M đã không còn sống chung từ tháng 11/2021 đến nay. Nay anh Nguyễn Chí T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mười M.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Chí Anh D, sinh năm 2003, đã

trưởng T anh T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị Mười M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M thừa nhận lời trình bày của anh T là đúng, hai bên qua mai mối tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Z, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngày 19/8/2002. Về mâu thuẫn chị M cho rằng vợ chồng chị không có mâu thuẫn mà do anh T thường xuyên bỏ nhà đi làm, không quan tâm lo lắng cho vợ con, anh T đi làm không đem tiền về cho chị M, chị M ra ngoài sống, nên chị và anh T đã không còn sống chung từ tháng 02/2021. Nay chị Nguyễn Thị Mười M đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Chí Anh D, sinh năm 2003, con chung đã trưởng T chị M không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, nhưng chị M cho rằng trong thời gian chung sống, chị yêu cầu anh T trả công sức cho chị trong thời gian chị làm dâu chăm sóc mẹ chồng là năm năm, số tiền cụ thể chị cung cấp sau.

Về nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh Nguyễn Chí T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mười M, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường cự cãi nhau, không có tiếng nói chung, anh thường đi làm xa, chị M đã bỏ nhà ra ngoài sống, hiện nay không còn sống chung, vì vậy anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Chí Anh D, sinh năm 2003, con chung đã trưởng T anh T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Mười M vắng mặt phiên tòa lần 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án lấy lời khai của anh T về tài sản chung, việc Tòa án thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ T phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án.

Anh T và chị M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Z, T phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngày 19/8/2002 đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng

thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng sống bất đồng ý kiến, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh T đã có kêu chị về nhà nhưng chị không về. Anh và chị M đã ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay không có đoàn tụ trở lại. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Quan hệ hôn nhân của anh T và chị M cho thấy đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Chí Anh D, sinh ngày 04/3/2003 đã trưởng T nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Áp dụng quy định các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Chí T. Cho anh Nguyễn Chí T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mười M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Anh T nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Mười M đã được Tòa án triệu tập 02 lần đến Tòa án xét xử, chị M có ký nhận vào văn bản, đến ngày xét xử chị M không đến. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt chị Mười M.

[1.2] Anh Nguyễn Chí T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mười M, chị Mười M, trước đây có tạm trú ở phường Z, thành phố Vĩnh Long, nên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã thụ lý. Sau khi thụ lý chị M trình bày đã chuyển hộ khẩu về ấp H, xã Đ, huyện Long Hồ, nên di lý về Tòa án nhân dân huyện Long Hồ giải quyết theo thẩm quyền. Xét chị Nguyễn Thị Mười M hiện đăng ký hộ khẩu tại ấp H, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mười M cả hai có kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân phường Z, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/8/2002, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét

về mâu thuẫn anh T khai vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, thường cự cãi nhau, vợ chồng gặp mặt không ai nói với ai, chị đã bỏ ra ngoài sống, tại phiên tòa hôm nay chị M vắng mặt, trong quá trình Tòa án giải quyết chị M khai anh T không quan tâm đến chị, thường đi làm xa nhà, chị đồng ý ly hôn với anh T. Tại phiên tòa hôm nay chị M vắng mặt. Xét tình cảm vợ chồng phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, nhưng anh T và chị M chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không đạt được, cả hai không còn sống chung đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn với chị M. Vì có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Chí Anh D, sinh năm 2003, con chung đã trưởng thành T anh T, chị M không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T, không yêu cầu giải quyết, Chị M khai trong biên bản hòa giải không có tài sản chung, nhưng chị M yêu cầu anh T trả tiền công sức chị làm dâu. Tòa án đã thông báo cho chị làm đơn yêu cầu, nhưng chị vẫn không nộp đơn yêu cầu và vắng mặt phiên tòa không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở gì xem xét giải quyết yêu cầu của chị. Xét các bên không yêu cầu gì về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nợ chung.

[2.5] Xét ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, như đã nhận định ở trên.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 9, 19, 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Chí T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Chí T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mười M.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Chí Anh D, sinh năm 2003, đã trưởng thành T anh T chị M không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Chí T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000926 ngày 30/12/2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, anh T không phải nộp thêm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Điệp

